



Cu c Chi n Vi t
Nam

KHI Đ NG MINH THÁO CH Y

Phần IV - Chương 14 R C C A N HAY Đ C C A C Ó?

Ai không muốn di t n ng i Vi t?

Đám đông c ùn ùn leo t ng vào toà đ i s M , c nh r i lo n đã b t đ u trông th y. L i có tin đ n toà đ i s s p b pháo kích đêm nay. Bao v n đ đang di n ra ngay tr c m t. Lúc đó là m t gi sáu phút ngày 29-4- 1975. Trí óc Đ i s Martin r i b i. Gi i pháp chính tr cho Mi n Nam mà ông đã theo đ u i c tháng nay v a tan bi n nh mây khói khi phi tr ng Tân S n Nh t b pháo kích. Cho t i lúc này, ông v n còn ôm m t hy v ng th m kín, đó là n u t ng D ng Văn Minh thành công thì Toà đ i s M v n có th còn đ c duy trì ở Sài gòn, tuy ch là m t toà đ i s nho nh . Đang khi hình nh phi tr ng Tân S n Nh t l n v n trong đ u ông, m t ng i tu viên v i b c t i: "Th a ông Đ i s , có đ i n t văn phòng T ng th ng Ford". Ông Martin v i vàng m ra đ c. Sau bao nhiêu yêu c u, g n nh n n , ông đang ch đ i T ng th ng cho thêm tr c th ng đ di t n s ng i Vi t đã vào đ y toà đ i s (1). Ai ng i là chuy n tr i i đ t h i: Đ ng lý Văn phòng Donald Rumsfeld (đ ng kim T ng tr ng qu c phòng c a T ng th ng George W. Bush) không nói gì t i vi c g i thêm tr c th ng l i còn yêu c u ông Đ i s cho ng i t i cao c h ng IBM đ b c đ i trên m t trăm nhân viên và gia đình h , r i dùng tr c th ng s n có đ cho di t n (2). Martin b c t c ch i th và l đi, không tr l i. S p t i gi th hai m i t r i. Theo k ho ch c a Washington thì đáng l chính ông Đ i s cũng đã ph i ra đi t m y hôm tr c. Nh ng ông Martin đã c tình n iu l i, ông câu gi đ giúp di t n thêm ng i Vi t nam càng nhi u càng hay, và ph n nào ông v n còn hy v ng vào m t gi i pháp chính tr đ M ra đi đ m t m t. Nh ng k ho ch chung quanh vi c di t n ng i M và Vi t nam đ t đ u đã đ c gi h t s c bí

Tác Giả: GS.TS. Nguyễn Tiến Hoàng
Thứ Ba, 25 Tháng 5 Năm 2010 05:15

một, rồi lại kín đáo hơn, thì lúc họ ra là giây phút tranh giành, trèo tường toà để đi xuống, lên xuống, gặp nhau ở nơi đó.

Đi tìm hiểu thêm về cuộc di tản, chúng tôi đã tới tận nhà Đới Sĩ Martin để thăm viếng và yêu cầu ông kể lại cho rành mạch những gì đã xảy ra bên trong Toà để đi xuống vào những ngày giờ cụ thể.

Ông Đới Sĩ cùng

Chúng tôi đến thăm ông vào buổi chiều mùa hè năm 1985, mười năm sau lúc gặp ông ở Sài Gòn. Về hưu, ông công và chăm sóc mấy cháu gái tại Winston-Salem, một thành phố nhỏ thuộc North Carolina. Ông sinh ngày 22 tháng Chín năm 1912 trong một gia đình sùng đạo ở Mars Hill một làng nhỏ cũng ở tiểu bang này. Cha ông là một mục sư đạo Baptist. Đạo này rất thịnh hành miền Nam và là một đạo giáo rất nghiêm ngặt, đặc biệt là về rượu chè. Có nhiều quận gọi là "dry counties" (những quận khô) vì Chính phủ không được bán bia, rượu. Cha ông cảm ông uống rượu nhưng ông lại rất thích uống "Martini". Tuy nhiên khi nào uống thì ông cũng thú thật vì cha ông đã dặn: "Nếu ta luôn nói sự thật thì không bao giờ cần phải xem mình đã nói gì" (3). Ông còn giữ nhiều một điểm quan trọng về liên lạc Việt-Mỹ vào giai đoạn kết thúc. "Tôi muốn nói ra một buổi cùng với những gì đã xảy ra" ông tâm sự.

North Carolina là tiểu bang quen thuộc vì có trường North Carolina Wesleyan College là nơi chúng tôi bắt đầu giảng dạy môn kinh tế học từ tháng Tám năm 1963. Carolina cũng là nơi gặp ông Martin khi ông làm để đi xuống tại Việt nam. Mười khi gặp ông, tôi thường bắt đầu bằng những câu chuyện vui về dân tình, phong tục và để đi xuống North Carolina, về những trận đấu bóng giã ở trường Virginia, trường tôi học, về Wake Forrest College, trường của ông. Bây giờ ông đã về hưu, không còn trách nhiệm nào, không còn lo nghĩ nên thấy ông thoải mái và thoải mái hơn lúc còn ở Sài Gòn, dù đã già đi nhiều.

Vào làm việc cho Chính phủ từ năm 1933, ông thăng tiến nhanh và giữ nhiều chức vụ quan trọng. Trước khi nhậm chức tại Việt nam, ông làm Đới Sĩ ở Thái Lan từ năm 1963. Lúc đó ông đã chuyển việc về mang quân vào Việt nam. Từ năm 1966 đang khi nhiều thanh niên Mỹ bị bắt tình nguyện để đi, người con nuôi mà gia đình ông vô cùng yêu quý, con Glenn sang Việt nam và trở về khi lái trực thăng trên vùng cao nguyên. Có lẽ vì vậy mà ông đã đi học thái độ.

Mười năm trước khi trở lại viếng thăm ông, sáng ngày 15-4-1975 tôi gọi điện tìm biết ông đi lên máy bay đi công tác tại Washington. Trước khi chuyển một buổi đi đến đêm, tôi hỏi:

"Ông Đới Sĩ nghĩ thế nào về tình hình hiện nay trong nước?"

"Tôi nghĩ chắc sẽ có một thời gian nào đó có thể đi tới giải pháp chính trị".

"Ông nghĩ tôi nên làm việc tại Washington để bao lâu?"

"Khoảng một tuần..."

"Tôi biết ông Đới Sĩ".

"Chúc ông đi bình an, khi trở về nhà gọi tôi ngay, tôi rất muốn gặp lại ông sớm".

Ông tiếp tôi và anh bạn Jerold Schechter (đồng tác giả cuốn "Hồi sử một Dinh Độc lập") một cách cởi mở, khác hẳn phong thái ngày trước. Lúc ở Việt nam, trông ông lúc nào cũng dè dặt, kín đáo, thận trọng. Người ta cho là ông còn lo lắng lòng họ Đới Sĩ Ellsworth Bunker, người đã gọi là ông "Đới Sĩ thật lòng". Trong thời gian Thiệu thì gọi ông bằng một bí danh: "Ông Cà phê". Ngày trước ở Sài Gòn có cà phê Pháp "Martin" nổi tiếng.

"Đới Sĩ còn nhớ đến tôi gọi là khi về tới Sài Gòn không?"

Ông nhìn tôi với đôi mắt đắm chiêu, xa vắng. Nhờ câu này dường như đã khơi gợi cho ông những ngày kinh hoàng của 10 năm về trước. Về những cảm xúc về chính chế cũng chưa bắt đầu mở đầu nóng bỏng đến với ông. "Tôi đâu có nghĩ tới một kết thúc thảm thảm như vậy".

Chúng tôi bắt đầu câu chuyện "phỏng vấn" thân mật. Ông tâm sự nhiều về những khía cạnh chính trị, ngoại giao, và về cuộc chiến Việt nam. Khi nói tới cuộc di tản, ông thoải mái rồi bình

nhìn im lặng: "Thôi thì ít nhất tôi cũng đã làm được một chút gì cho nhân dân anh". Ông muốn nói tới những công việc mà ông đã làm vào ngày giờ chót để giúp một số người Việt di tản, nhiều hơn người giúp ba số người ở Washington để nhấc cù.

Ông nói là trong cuộc đời, ông cũng từng có nhiều kinh nghiệm và di tản: "Ngày tháng 1939 tôi đã nghiên cứu xem những lý do nào đưa tới tình trạng hàng loạt người tị nạn đến những đoàn người tị nạn Paris xuống Bordeaux. Rồi đến tháng niên 1950, vì có trách nhiệm bao trùm các khu vực Âu châu nên tôi phải tham dự EUCOM và SHAPE trong kế hoạch phòng hãm di tản người Mỹ khỏi Âu châu. Vì vậy tôi đã hiểu là trong hoàn cảnh còn yên ổn thì một chiến dịch di tản cũng đã phức tạp đến chừng nào, mà số yên ổn đó đâu có còn kéo dài được bao lâu nữa. Sài Gòn lúc này, trước khi có những biến pháp để phòng ngừa đã nhằm tránh số hàng loạt".

Tranh đấu cho Miền Nam

Một trong những biến pháp để phòng ngừa là lấy cảm tình của người Việt nam. Với việc này ông đã bắt đầu ngay từ khi mới đến Sài Gòn.

Ông được bổ nhiệm làm Đại sứ vào tháng Bảy, 1973, sau Hiệp định Paris. Lúc đến ông Thiệu rất dè dặt. Với bản tính đa nghi, nghe thấy nói ông Martin là người đã đem quân vào Việt nam, ông Thiệu phân vân không biết rồi ông này có phải là một Henry Cabot Lodge thật hay không.

Đại sứ Lodge là người đã được thăng sau cuộc đổ chính ông Diệm năm 1963. Khi Martin nhậm chức vào hè 1973, tình hình bang giao Việt-Mỹ lại rất căng thẳng. Ông Kissinger lại vừa mới kiêm chức Ngoại trưởng. Tuy nhiên, số nghi ngờ của ông Thiệu đối với vị tân đại sứ đã sớm tiêu tan. Chỉ sau ba bốn lần tiếp xúc, ông Thiệu nhận ra rằng Martin là một người thông thạo Việt nam. Lý do chính là ông muốn biết về uy tín của Hoa Kỳ: không nên mang trên nhà trệu quân vào chiến đấu mà lại để Miền Nam sụp đổ quá nhanh. Một khác ông cũng không muốn trở thành người phải "đỡ vác" ai. Những viên chức khác làm hàng đợi sứ, đến lượt ông lại phải thức hiên công tác đêm hôm sao?

Hút thuốc lá liên tục và làm việc rất khuya tại căn phòng nhỏ ở tầng thượng, ông là người sống nhiều với nội tâm, lúc nào cũng đang chờ đợi, dè dặt. Ông rất ít giao thiệp với các Đại sứ khác, trừ Đại sứ Pháp Merillon. Hai tòa đại sứ lại sát bên nhau. Lúc nào ông Martin cũng trở mặt lưng, lại thêm một mình. Nhân viên tòa đại sứ khó tiếp cận ông và đã chế trích ông rất nhiều.

Vừa nhậm chức thì Đại sứ Martin đã có tin Quốc hội bàn cãi việc cắt viện trợ cho Miền Nam. Thế là một mặt ông tìm mọi cách trấn an ông Thiệu, mặt mặt ông không ngừng biến hóa cho Việt nam cảm giác hòa tại Washington. Vào thời điểm đó, ông là một trong vài viên chức Hoa Kỳ duy nhất còn nghĩ tới Miền Nam. Là bản của Tổng thống Nixon, ông đã được Nixon phục chức cho ông trong ngành ngoại giao. Năm 1967 lúc còn làm Đại sứ ở Thái Lan, ông bổ Ngoại trưởng Dan Rusk cho vị người chỉ huy của quân vì quá buồn bã, nhưng việc Mỹ mang không quân vào Thái Lan. Một năm sau tháng công, Nixon được bổ ông làm Đại sứ tại Ý. Ông tin là quan hệ cá nhân của ông với Tổng thống giúp ông vượt qua Việt nam trong thời gian chiền.

Đầu hè 1974, khi thấy viện trợ của Nixon phải chờ đợi đã rõ, ông hết sức lo âu. Tháng Sáu 1974, thỉnh thoảng ông mới dùng cảm trả lời tiếp xúc để bàn về những vấn đề xoay quanh viện trợ Mỹ. "Hay là để tôi đề nghị Tổng thống Thiệu gọi ông sang làm Đại sứ ở Washington để cùng làm việc với tôi", có lần ông gợi ý. "Chắc không đâu, vì tôi đã ở Mỹ quá lâu rồi", tôi chỉ nói ngay. Biết là chúng tôi đã có gặp gỡ thường xuyên với Kennedy lúc còn ở đại sứ, lại là cựu sinh viên của Schlesinger, Tổng trưởng quốc phòng và có quen biết gia đình Mỹ của Elson, Tuyên úy Thần học Viện Mỹ, nên ông Martin đề nghị là dù không trở về Washington tôi cũng nên bắt tay với ông tranh đấu cho viện trợ.

Tháng Bảy, 1974 ông về Washington để thuyết phục Quốc hội Hoa Kỳ. Trong một buổi đi

trên, ông đã trình bày một hình ảnh quan trọng Việt nam, và bản nhieu người trích (4). Sau khi Miền Nam sụp đổ, năm 1976 ông lại ra đi ở trong tại Quốc hội, và không thay đổi lập trường. Lúc chúng tôi gặp lại ông một năm sau, ông còn nhớ lại: "Nếu không bản chất tốt đẹp của tôi thì Miền Nam vẫn còn khả năng tồn tại, dù là một Miền Nam thu hẹp" (4). Vào lúc Miền Nam sụp đổ, trường học ông đã ra cho George Jacobson, Phó tá đốc biệt vụ điểu hành tại Tòa đại sứ là phải dùng toàn bộ phương tiện tài chính, máy bay, tàu, sà lan của tòa đại sứ để giúp mọi người đi đến giúp các quân lính dân di tản tại Đà Nẵng và Nha Trang (5). Sau đó đã tránh sự hỗn loạn có thể xảy ra ở Sài Gòn (xem Chương sau). Địch thì đã giúp tôi nhận một số người Việt đến đầu tiên, gần gần ba ngàn Washington để tính. Tôi nhớ ngày cuối cùng, khi đến các nhà phố di tản người Mỹ, ông chờ chờ kéo dài thời gian di tản người Mỹ vì biết rõ là một khi người Mỹ cuối cùng đã ra khỏi miền Nam thì chúng còn người Việt nào đến các địa điểm.

"Địch sẽ giữ tài liệu một bản điếu tra", đó là đầu đề của tờ Washington Post ngày 13 tháng Chín, 1978, gần ba năm rưỡi sau khi Miền Nam sụp đổ. Bài này nói về việc Địch sẽ Martin giữ lại toàn bộ tài liệu một đã đến các địa điểm tại Sài Gòn. Căn nhà ông ở trong cũng như, ít cho lính đi xấp xỉ đến, nên khi về hưu, ông đã đem một số hộp hồ sơ trong thùng xe hơi đi ở trong nhà. Đến khi xe bị mất trộm, ông báo cho cảnh sát North Carolina. Lúc cảnh sát tìm được và mở thùng xe ra thì lại thay toàn là tài liệu đóng dấu "Tối mật" (Top Secret). FBI phóng xe đến điếu tra ông.

Khi đăng tin này, tòa báo có phỏng vấn ông Frank Snepp tác giả cuốn "Decent Interval" về ông cựu Địch sẽ. Ông Snepp trả lời: "Ông ta nói với tôi là ông muốn giữ lại những tài liệu này để có thể nói lại cuối cùng với Kissinger".

Thế nhưng, chưa kịp nói thì ông Martin đã từ trần.

Thật là một may mắn mà tôi được gặp lại và nghe những lời tâm huyết của cựu Địch sẽ Mỹ cuối cùng ở Miền Nam và đến ông cung cấp một số tài liệu lịch sử.

Ai là người đến các chức?

Khi Pháp rút lui năm 1954, dù Mỹ không dính dáng trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương thì cũng đã giúp di tản đến các một triệu người tị nạn vào Nam một cách trật tự. Thời gian di tản còn kéo dài đến 300 ngày. Lúc Mỹ rút năm 1975 sau 10 năm trực tiếp tham chiến với hơn nửa triệu binh sĩ, chúng như là cuốn gói ra đi một mình?

Sau đây là chi tiết về di tản của di tản mà Địch sẽ Martin kể lại, cũng giống như ông đã đi ở trong tại Quốc hội vào tháng 1, 1976 (xem Phần Lục F) (6):

Thật đầu, căn bản là Hoa Kỳ muốn di tản người Mỹ ra khỏi Miền Nam cho nhanh, hầu như chúng tôi ở Washington muốn dính tại người Việt, người thân nhân của công dân Mỹ, một số chức của những người đã công tác với Mỹ, và một số nhân viên chức cao cấp Việt nam; Đầu năm 1975 (độc biệt là tháng Ba), Washington đã có lệnh cho di tản nhân viên làm việc tại văn phòng Tư vấn quốc phòng DAO (Defense Attache Office). Văn phòng này được thành lập sau Hiệp định Paris để thay MACV (Military Assistance Command, Vietnam), nhưng chức trách vẫn tiếp tục; Từ đầu tháng Tư, Địch sẽ Martin nhận được lệnh "giảm bớt" cho nhân sự người Mỹ còn lại; Trước ngày 14-4, tức là chỉ còn hai tuần trước khi sụp đổ, tòa đại sứ chỉ có quyền cấp giấy phép "tạm dung" (parole authority) cho 2.000 trẻ em còn lại di chuyển bằng máy bay vào Mỹ; Ngày 14-4, tòa đại sứ chỉ nhận được quyền cho tạm dung thân nhân người Mỹ nhưng phải theo những điếu kiện ràng buộc hết sức chặt chẽ: đó là chỉ những thân nhân đang có mặt tại Việt nam của những người Mỹ cũng đang có mặt tại Việt nam; Ngày 19-4, tòa đại sứ nhận được quyền cho tạm dung, quyền này được nói rằng chút đỉnh,

nhợng cũng chợ bao gợm nhợng thân nhân cợa công dân Mợ và nhợng ngợi Việ t nam thợng trú (có thợ xanh) dù không có mợ tợ i Việ t nam nhợng vợ i điợu kiệ n là hợ đã đợ c thân nhân xin visa cho và đã đợ c sợ Di trú chợ p thuợ n;

Sau cùng, mặ tợ i ngày 25-4, tợ c là năm ngày trợ c khi Sài gòn thợ tợ thợ, toà đợ i sợ mợ i nhợ n đợ c quyợ n cho tợ m dung thêm các bà con, thân nhân cợa công dân Mợ (khoợ ng 80.000 ngợ i) và 50.000 ngợ i Việ t nam có "mợ c rợ i ro cao đợ", tợ ng cợ ng là 130.000 ngợ i (7).

Chợ có 50.000 ngợ i thợ

Nhợ vợ y hợ tợ sợ c rõ ràng là chợ còn bợ n ngày trợ c lúc triệ t thoặ cuợ i cùng, ngoài ngợ i Mợ, thợ ng trú Mợ và thân nhân cợa hợ, Hoa kợ chợ cho phép di tợ n 50.000 ngợ i Việ t nam, mà sợ ngợ i này phợ i thuợ c vợ điợ n nhợ ng ngợ i có rợ i ro cao đợ.

Nhợ ng ai là ngợ i có mợ c rợ i ro cao đợ? Bợ Ngoợ i giao Hoa kợ đã vợ ch rõ:

"Nhợ ng nhân viên làm viợ c cho Mợ và gia đờnh cợa hợ;

"Thân nhân cợa công dân Mợ;

"Việ chợ c cao cợ p trong chính quyợ n Việ t nam cợ ng hoà;

và mợ tợ sợ nhợ ng ngợ i khác (đợ c coi là) có "nguy hiệ m cao đợ" vì sợ là đợ i tợ ng trợ thù cợa Cợ ng sợ n" (8).

Và nhợ vợ y, hợ u hợ tợ các bợ n đang đợ c quyợ n sách này đã không phợ i là ngợ i lợ t vào con sợ đợ c chợ n.

Đó là vợ thợ tợ c nhợ p cợ nh, thợ tợ c tợ m dung, vợ n đã quá khó khặ. Nhợ ng còn mợ tợ khía cợ nh khác: thái đợ cợa các nghợ sĩ, dân biợu, quan chợ c lợ i Washington đợ i vợ i viợ c di tợ n. Nợ u Quợ hợ i chợ ng thì làm sao có ngân sách di tợ n?

Ngày 14-4, Uợ ban Ngoợ i giao Thợ ng Việ n đợ n hợ p tợ i toà Bợ chợ c. Điợ n tiệ n buợ i hợ p cho ta thợ y thái đợ cợa Quợ c hợ i Mợ đợ i vợ i viợ c di tợ n ngợ i Việ t tợ nợ n. Khi Kissinger trình bày là trong sợ trờn mợ tợ triợu ngợ i đã có nhợ ng liên hợ vợ i Mợ, có 174.000 ngợ i là đợ c biệ t bợ nguy hiệ m vợ i Cợ ng sợ n nên Mợ phợ i cợ u nợ u có thợ đợ c. Các nghợ sĩ đợ u thoặ thác. Phợ tá Nessen kợ lợ i buợ i hợ p vợ di tợ n đó nhợ sau (9):

Nghợ sĩ Frank Church: "Cho di tợ n 174.000 ngợ i Việ t nam sợ có thợ phợ i cợ n đợ n mợ tợ sợ (quân đợ i) Mợ rợ tợ lợ n trong mợ tợ cuợ c chiợ n rợ tợ dài";

Nghợ sĩ Clifford Case nhợ n mợ nh rợ ng ý kiệ n chung cợa Uợ ban là sợ ngợ i Mợ ở Sài gòn phợ i đợ c tợ p trung lợ i đợ đợ n lúc kợ tợ thúc có thợ di tợ n chợ bợ ng mợ tợ chuyợ n bay thợi;

Nghợ sĩ Charles Percy: "Chúng tôi không muợ n ngợ i Mợ phợ i làm con tin" (đợ di tợ n ngợ i Việ t);

Kissinger bình luợ n: "Cá nhân tôi cũng không tin rợ ng ta sợ có thợ di tợ n mợ tợ sợ nhợ tợ đợ nh nào đầu, nhợ là 174.000 chợ ng hợ n. Nhợ ng ta có bợ n phợ n là nợ u mang đợ c ai ra thì càng nhiệ u càng tợ t";

Tợ i đây, Tợ ng thợ ng Ford cợ nh cáo các nghợ sĩ: "Nợ u quý vợ tuyên bợ "không di tợ n ngợ i Việ t nam", quý vợ sợ có khó khặ lợ n trong viợ c di tợ n 6.000 ngợ i Mợ" (vì sợ gợ p sợ chợ ng cợ cợa miệ n Nam);

Nghợ sĩ Jacob Javits tuyên bợ: "Tôi không muợ n bợ phiợ u cợ p thêm tiệ n cho mợ tợ Chính phợ do Thiợ u lãnh đợ o, nhợ ng tôi sợ trợ bợ tợ cợ món tiệ n chuợ c nào đợ mang ngợ i chúng ta ra";

Nghợ sĩ Joseph Biden còn nói toợ c móng heo: "Tôi không muợ n trợ bợ tợ cợ món nào đợ đợ a ngợ i Việ t nam đi, chợ trợ khi ta không thợ mang đợ c ngợ i Mợ nào ra mà không phợ i mua 174.000 ngợ i Việ t nam. Trong trợ ng hợ p đó, tôi sợ n sàng mua 174.000 ngợ i Việ t nam".

Sau cuợ c hợ p, Tợ ng thợ ng Ford còn đợ n các nghợ sĩ chợ đợ cho báo chí biệ t là tợ tợ cợ phiên hợ p chợ đợ bàn bợ c vợ chuyợ n di tợ n.

Quý vợ hợy nói: "Chúng tôi chợ bàn chuyợ n làm thợ nào đợ ợ n đợ nh tình hình".

Ai không muốn di tản người Việt?

Ngày 17-4, Đại sứ Martin nhận được một mặt điện, trong đó có nội dung như sau (10):

Người nhận: Martin

Địa điểm: Tòa mặt

"Chúng tôi vừa họp xong một cuộc họp liên bộ để duy trì xét tình hình miền Nam Việt nam. Ông Đại sứ phải biết rằng trong phiên họp của Ủy ban Địch nhiệm Washington hôm nay, hầu như không có ai ủng hộ việc di tản người Việt và việc dùng quân lực Mỹ yểm trợ bất cứ việc di tản (người Việt) nào.

Quan điểm chung của các giới quân sự, Bộ Quốc phòng, và CIA là phải rút ra cho kịp và ngay lập tức.

(We have just completed an interagency review on the State of play in South Vietnam. You should know that the WSAG (Washington Section Action Group) meeting today, there was almost no support for the evacuation of Vietnamese, and for the use of American force to help protect any evacuation. The sentiment of our military, DOD (Department of defense) and CIA colleagues was to get out fast and now"

Với tình hình như vậy, Kissinger phải thúc Martin phải gấp rút chạy cho nhanh. Ông Martin đã báo Địch Kissinger là nếu chờ cho di tản người Mỹ thôi thì rất nguy hiểm. Kissinger không thêm dự ý, và trả lời:

"Mặc dù chúng tôi lo ngại như Đại sứ đã thông báo cho tôi và tôi cũng đồng ý như vậy, nhưng điều hết sức cần thiết là yêu cầu Đại sứ xúc tiến cho nhanh việc di tản những công dân Mỹ ra khỏi Việt nam.

Chúng ta phải làm sao đưa vào tháng Ba, 22-4, tất cả số công dân Mỹ dù chính thức hay không cũng chỉ còn 2.000 trở lại mà thôi".

Như vậy có nghĩa là trong năm ngày, ông Martin phải di tản khoảng 4.000 người Mỹ.

Ông ta đang cuộc họp lên thì ngày hôm sau, Kissinger lại tiếp thêm một tình hình mới. Chính Kissinger đã viết lại trong cuốn "Ending the Vietnam war" là ngày 18-4, theo sự chấp thuận của Tổng thống, ông Martin nhận chỉ thị là phải giảm số người Mỹ xuống còn chỉ còn 1.250, cũng vào ngày 22-4. Đây là số người được tính toán là trước tháng sẽ có thể bắt đầu đi trong chỉ một ngày.

"Số người Mỹ này, và tuồng như có thể, những nhân viên người Việt làm cho Mỹ, sẽ được chuyển đi trước khi Tân Sơn Nhất bị đe dọa. Và khoảng thời gian còn lại (cho tới 22-4), sẽ có người đi đã di tản số người Việt bị nguy hiểm vì đã làm cho nước Mỹ (Those who had exposed themselves on America's behalf) (11).

Washington chỉ phải thúc cho di tản khẩn cấp là người Mỹ và một số người Việt làm cho Mỹ. Vậy làm thế nào để cứu được thêm một số người Việt?

Câu thêm gì

Có hàng triệu người công tác với Mỹ trong 20 năm qua, bây giờ lại chỉ cho di tản 50.000 người thì làm sao coi được. Ông Martin nhận được như không chịu.

Trước hết là ông đã "câu giờ": cứu di tản người Mỹ thôi thì nhanh thôi có thì giờ di tản thêm số người Việt. Tại Washington, khi ông Ford ra Quốc hội ngày 10-4 xin thêm tiền viện trợ, chỉ đạo là đi tản. Như vậy, mặt mặt Washington muốn đưa người Mỹ ra cho kịp, mặt mặt ông Martin lại muốn kéo hoãn lại. Theo chính Kissinger kể, cũng trong cuốn "Ending the Vietnam war", thì Đại sứ Martin đã chỉ nhận chỉ thị không chịu di tản cho nhanh vì: "Nhiều tình nguyện viên như những người mà ông sắp bắt bắt buộc phải bắt, ông Martin đã coi như bản thân mình là phải dấn ra tiếp tục chiến đấu, cuộc rút lui của Mỹ trong một thời gian dài nhất để giờ lại sẽ có một của Mỹ (tại Việt nam) mà mình đã bảo vệ cho việc cứu vớt người Việt nam".

"Tin rằng, ngay trước mặt, sự hoảng loạn tại Sài Gòn còn đáng lo ngại hơn những kẻ hoảng loạn công cộng Hà Nội, ông phải đưa đi cho cuộc di tản chính thức hơn là chính Tổng thống Ford, Brent Scowcroft, hay là tôi – bản diều hâu trong chính phủ - đã cho là thích ứng" (12)

Nội dung thẩm quyền

Ngoài việc chấp nhận, Martin còn dùng mảnh khoé riêng của mình để đi vòng. Ngày 25-4, khi nhận được phép cho di tản có 50.000 người, ông nội rằng quy định của mình bằng cách chú thích con số "50.000" một cách phóng khoáng hơn. Điều tra trước trước Quốc hội (1976), ông nói: Ngày 25-4, chỉ còn bốn ngày trước lúc di tản cuối cùng bắt đầu ngày 29-4. Lúc đó chúng tôi mới nhận được phép cho mang đi tất cả tổng số là 50.000 người Việt nam - một con số quá là ít ỏi. Bởi vậy tôi đã giải thích con số này là muốn nói tới chỉ gia đình chứ không phải là tổng số người. Bởi vậy, dùng "phương pháp giải thích rằng rồi theo lời John Marshall", chúng tôi đã nói thẩm quyền để giải quyết vấn đề".

(On April 25, only four day before our evacuation began on April 29. Then we received authority to send out a grand total of 50,000 Vietnamese – a number which was clearly insufficient. So I interpreted the number to include only heads of families and not the families too. So, using the John Marshall broad construction approach, we stretched the authority to cover the problem") (12).

"Hành quân gió nhanh"

Vào lúc bốn giờ năm phút sáng Thứ Ba, ngày 29-4 (4:05 chiều 28/4 giờ Washington), những người tiên đầu tiên của Bộ Chỉ huy tại Trung tâm Tân Sơn Nhứt.

Đến sáng Martin lên chiếc xe an ninh của ông và cho lái ra sân bay để quan sát tại chỗ lúc chín giờ sáng. Một phi cơ C-130 bị phá huỷ, hai lính Thuần quân lính chỉ huy Mắc các công bố chốt. Các chuyên bay di tản phải ngừng. Tuy nhiên, thấy phi cơ dù bị hỏng hóc mà còn dùng được, ông Martin liền đi xin Tổng thống cho tiếp tục các chuyên bay loại này. Ông Martin kể lại là lúc bảy giờ 30 chiều, ông họp với Hội đồng an ninh Quốc gia (NSC) và quyết định nên chờ một giờ xem pháo binh có ngừng không, nếu ngừng thì ông sẽ cho máy bay vào tiếp tục. "Pháo kích có ngừng thật", ông viết, "nhưng chúng tôi lại có một vấn đề mới phải giải quyết. Dân chúng ào ra tận phi trường và máy bay không đáp được. Tình hình rõ ràng không thể kiểm soát được nữa". Trong lúc đó, các bản xăng bị trúng hoả tiễn bắt lửa và phát cháy hàng loạt góc trục Hạng hàng không dân sự Air America. Tổng thống Smith (chủ tịch quan DAO tại Sài Gòn) đến thăm Honolulu của cựu đô đốc Gayler, Tổng thống Liên quân đến Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương. Ông Gayler gọi đến Martin thông báo không thể tiếp tục di tản bằng C-130 được nữa. Một ngày, ông Martin đồng ý "Lệnh IV", trong kế hoạch di tản, với một danh "Hành quân gió nhanh" (Operation frequent wind), Lệnh này là chỉ dùng trực thăng bốc đi toàn bộ sĩ quan. Martin gọi Kissinger yêu cầu ông đồng ý ngừng Tổng thống chấp thuận.

Lúc 10 giờ 51 sáng cùng ngày (10 giờ 51 đêm 28/4, giờ Washington), Ford họp nội bộ để đưa cuộc "Hành quân gió nhanh", một hiểu của "Lệnh IV" (13). Đài phát thanh quân đội Mỹ đang Hạng Thứ ba cho phát sóng một hiểu cho người Mỹ và một số người Việt liên hệ biết là giờ phút di tản cuối cùng đã tới.

Chiếc trực thăng theo một tới toàn bộ đúng hai giờ chiều ngày 29-4. Có hai chỗ đáp: loại trực thăng lớn - CH-53 đáp xuống bãi trong khu sân đỗ xe; loại nhỏ, CH-46 đáp trên nóc toàn bộ. Trong 16 giờ cuối cùng, đến sáng Martin đã hết sức khẩn khoản xin thêm 30 chiếc trực thăng loại lớn CH-53 (chỉ được 50 người, nhưng người chen chúc cũng được 70). Nhưng ông chỉ thấy lại vài chiếc loại nhỏ CH-46 (chỉ được 20 người) bay vào! Thấy số máy bay vào quá chậm và ít ỏi, ông Martin còn dùng lý do có số trực thăng còn lại còn bị kẹt lại để biện hộ. Ông cựu của Brent Scowcroft, Chánh Văn phòng Tổng thống: "Có lẽ ông nên chờ vấn đề cho tôi làm sao tôi thuyết

phải điều chỉnh số người Mỹ để họ bỏ rơi tôi nếu không để lại con lại của họ, hoặc Tôi nghĩ số điều chỉnh đánh giá như thế nào nếu ông ta chỉ thế này... "Tôi cần đến chỗ tốt đẹp (I damn well need) hai thức 30 chiếc CH-53 hay một chiếc máy bay..."

Thức rồi ông còn viết cho rằng trong đám người kết liễu, có một linh mục Mỹ, bởi vì vậy nếu không gọi thêm trực thăng vào mà để ông ta đi thì Tôi nghĩ phải chịu trách nhiệm với lãnh đạo Công Giáo Hoa Kỳ: "Giữa đám người Mỹ hiện còn lại, có một linh mục Mcveigh, giám đốc của trung tâm Công Giáo; ngài không chịu đi nếu nhân viên của ngài không đi."

Làm sao Tôi nghĩ có thể gọi thích cho Giám mục Swannstrom... hay là Henry Cooke điều chỉnh, nếu tôi bỏ ông ta lại, và cả nhà này, Địch sĩ Martin gọi họ đi này thì đi khác cách nhau vài chục phút. Nhưng ông Kissinger cũng như tôi như Thái Bình Dương đã đi tới kết luận là ông Martin đang đánh phé, gọi người Mỹ đi đi đến một giờ không đầy người Việt"(14).

Tại Washington, theo chính Kissinger thuật lại, ông và Schlesinger đã tính là còn 760 người đang ở trong khuôn viên tòa nhà, và quyết định gọi thêm 19 trực thăng, chờ người này thôi (15). Ông Martin sẽ phải đi chuyển trong 19 điều kiện thức khoanh 3 giờ 30 sáng.

Lúc 3 giờ 15 sáng (30 tháng 4), một anh phi công chiếc CH-46 đáp xuống nóc tòa nhà chuyển một trang giấy viết tay cho ông Martin do Đô đốc Gayler gọi, ông nói là điều kiện như chỉ gọi là thêm 19 trực thăng, và không gọi thêm nữa, Địch sĩ Martin sẽ phải đi ra chuyển cuối cùng. Sau này ông Gayler tiết lộ: Ông đã có thẩm quyền để áp gọi, nếu ông Địch sĩ công nhận là như Tôi nghĩ. Khi Phó Địch sĩ Lehman phát hiện ra những chiếc trực thăng sẽ vào là loại nhỏ, một nhân viên tòa nhà, đi tá Madison, vô cùng sợ hãi vì ông đã hứa đi hứa lại với khoanh 420 người Việt còn kết liễu Tòa nhà là họ sẽ điều chỉnh mang đi hết. Bây giờ không có CH-53 đáp dưới bãi đậu sân nữa, chỉ có loại nhỏ đáp trên nóc tòa nhà (và chỉ có người Mỹ điều chỉnh đi đến thôi!). Vậy ông Madison biết ăn nói làm sao với những người đã tin cậy vào những hứa hẹn của ông? Madison vô cùng bối rối! (16).

Vài giờ sau, toán lính Thu quân lúc chỉ nhìn gác tòa nhà lên vào cao ốc, khóa chốt cửa sau lại, để số người muốn từ chối không vào điều chỉnh nữa. Chiếc trực thăng cuối cùng, yểm trợ bằng sáu chiếc Cobra gần đi liền, chốt toán này chốt cánh

Trực tiếp tám giờ sáng ngày 30-4. Họ ném những hộp mìn cay xuống chung quanh cao ốc trên đầu số 420 người Việt đang bàng hoàng hoảng sợ (17). Đám người này vẫn đứng chờ những chuyển trực thăng không bao giờ tới.

Hãy nghĩ rằng những người họ con cháu của đoàn người đi đến là những người Mỹ mai đây sẽ nằm dưới quy định hành, sẽ không bao giờ đi vào nhà này với những đoàn người đi đến từ các quốc gia Địch minh khác trong một tình huống nào đó, như là Iraq, Afghanistan, Đài Loan, Đài Hàn, khi Địch minh của họ cuối cùng gởi ra đi.

Chú thích:

- (1) David Butler, The Fall of Saigon, trang 440.
- (2) Frank Sney, Decent Interval, trang 67.
- (3) Graham Martin, Vietnam Evacuation: Testimony, trang 543.
- (4) Tuần báo TIME, 4-21-1975, trang 19.
- (5) Graham Martin, Vietnam Evacuation: Testimony, trang 560, 576.
- (6) Graham Martin, Vietnam Evacuation: Testimony, trang 543-544; 562-563; 590-591; 573, 617.
- (7) Graham Martin, Vietnam Evacuation: Testimony, trang 543-544; 562-563; 590-591; 573, 617.
- (8) Graham Martin, Vietnam Evacuation: Testimony trang 617.
- (9) Ron Nessen, It sure looks different from the inside, trang 105-106.
- (10) Nguyễn Tiến Hoàng và Jerrold Schecter, The Place File, trang 328- 330.
- (11) Henry Kissinger, Ending the Vietnam war, trang 541.

- (12) Graham Martin, Vietnam Evacuation: Testimony, trang 544.
- (13) Gerald Ford, A time to heal, trang 256.
- (14) David Butler. The Fall of Saigon, trang 438-439. 444.
- (15) Henry Kissinger, A World Restored, trang 551-552.
- (16) David Butler, The Fall of Saigon, trang 444-445.
- (17) David Butler, The Fall of Saigon, trang 452; v vi c này, Kissinger đã ch i đi, nói là ông không bi t có s ng i còn k t i trong toà đ i s . Xem Henry Kissinger. sđd., trang 552...

h t: Phn IV - Chương 14, xem ti p:

[Phn IV - Chương 15](#)